

Số: 975 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí rà soát, điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021–2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 ngày 11 tháng 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất Quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước (cũ) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của



Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 2748/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ) về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030 tại lâm phần Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú quản lý trên địa bàn huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3350/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ) về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng giai đoạn 2021- 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 177/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện rà soát, điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021–2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên nhiệm vụ: Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí rà soát, điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng.

2. Mục tiêu: Rà soát điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế quản lý rừng bền vững của đơn vị

3. Phạm vi, quy mô thực hiện: Diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng quản lý là 59.037,82 ha;

4. Nội dung thực hiện:

a) Điều tra, thu thập bổ sung số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội, hiện trạng, quy hoạch sử dụng đất dự kiến tại 08 xã, gồm: Tân Lợi, Đồng Tâm, Bom Bo, Bù Đăng, Đak Nhau, Nghĩa Trung, Phước Sơn và Thọ Sơn. Thu thập số liệu về



đánh giá tác động đa dạng sinh học, cập nhật, đánh giá các công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học hiện có; cập nhật, xây dựng kế hoạch quản lý.

b) Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở về (thông tin liên quan đến vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, dịch vụ môi trường rừng, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng tài nguyên rừng, hiện trạng cơ sở vật chất, các chương trình dự án đã được thực hiện, công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, kết quả thực hiện nhiệm vụ công ích của chủ rừng trong (03) năm liên tiếp, liền kề, kế hoạch sử dụng đất của đơn vị và các thông tin cần thiết khác).

c) Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động diễn biến rừng qua các thời kỳ. Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng tại các chốt quản lý bảo vệ rừng thuộc phạm vi phần diện tích được cấp có thẩm quyền giao bổ sung chưa được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững.

d) Làm việc với chủ rừng: phân tích, đánh giá kết quả hoạt động của Ban quản lý rừng phòng hộ đến thời điểm điều chỉnh, các thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện phương án, xác định các yếu tố tác động trực tiếp đến việc điều chỉnh Phương án như việc thực hiện chính quyền 2 cấp, thay đổi phạm vi các xã, các chính sách, hướng dẫn, văn bản mới liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ rừng. Tiến hành thống nhất các nội dung, hạng mục điều chỉnh.

e) Đánh giá các thông tin thu thập, đánh giá kết quả thực hiện phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2025 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng.

g) Xây dựng, biên tập các bản đồ kèm theo phương án theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

h) Phân tích tổng hợp số liệu khảo sát, xây dựng báo cáo thuyết minh “Rà soát điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng” theo Mẫu số 01 Phụ lục III được ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng.

6. Tổng dự toán kinh phí: **497.009.963 đồng** (*Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi bảy triệu, không trăm lẻ chín nghìn, chín trăm sáu mươi ba đồng*).

(Chi tiết kèm theo phụ lục kèm theo)

7. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn dịch vụ môi trường rừng năm 2026 được phê duyệt tại Quyết định 305/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

8. Thời gian thực hiện: 04 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.



Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng là đơn vị chủ đầu tư, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo nội dung Đề cương được phê duyệt; đảm bảo tiến độ, chất lượng, sử dụng đúng và hiệu quả nguồn vốn; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt kết quả điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; thẩm định và tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng.

3. Sở Tài chính chủ trì, hướng dẫn và giám sát việc sử dụng kinh phí, đảm bảo đúng quy định hiện hành.

4. Các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã vùng đệm có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu, hồ sơ liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng và các đơn vị tư vấn thực hiện nhiệm vụ.

Điều 3: Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Chủ tịch, các P. CT UBND tỉnh;
 - Chánh, PCVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KTNS, KTN.
- Vinh KTN QD PABVR bu dang 



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hoàng



Phụ lục: Tổng hợp kinh phí nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021–2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng

(Kèm theo Quyết định số 975 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung công việc	Thành tiền (đồng)	Chi chú
T1	Chi phí trực tiếp thực hiện nhiệm vụ	430.088.234	
P1	Công tác chuẩn bị	24.772.556	
P2	Chi phí công tác thực địa: Điều tra bổ sung các hạng mục phục vụ điều chỉnh Phương án	142.995.864	
P3	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu ngoài nghiệp (P3 = P2 * 7%)	10.009.711	
P5	Công tác nội nghiệp	127.921.424	
P6	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu nội nghiệp (P6 = P5 X 15%)	19.188.214	
P7	Chi phí phục vụ (P7 = (P1 + P2 + P3 + P5 + P6) X 6,7%)	21.767.480	Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT
P8	Chi phí quản lý của đơn vị thực hiện: P8= 12% * (P1+P2+P3+P4+P5+P6+P7)	41.598.630	
P10	Chi phí vật tư, dụng cụ, thông tin liên lạc: P10 = (P1 + P2 + P3 + P5 + P6 + P7 + P8) * 5%	19.412.694	
P12	Thu nhập chịu thuế tính trước: P12 = (P1 + P2 + P3 + P5 + P6 + P7 + P8 + P9 + P10 + P11) * 5,5%	22.421.661	
T2	Chi phí quản lý của chủ đầu tư: T2 = T1 X 7%	30.106.176	
VAT	Thuế VAT (8%)	36.815.553	
	Tổng dự toán (T1+T2+VAT)	497.009.963	